



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **PHÒNG KIỂM NGHIỆM CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA (FIMEX VN)**

Laboratory: **TESTING LABORATORY SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY (FIMEX VN)**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA (FIMEX VN)**

Organization: **SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY (FIMEX VN)**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1271**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hoá, Sinh**

Field: **Chemical, Biological**

Người quản lý: **Nguyễn Trường Sơn**

Laboratory manager: **Nguyen Truong Son**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày / / đến ngày 04/01/2031**

Địa chỉ: **Số 750 Đường Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**

Address: **No.750 Vo Van Kiet street, Phu Loi ward, Can Tho city, Vietnam**

Địa điểm: **Số 750 Đường Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**

Location: **No.750 Vo Van Kiet street, Phu Loi ward, Can Tho city, Vietnam**

Điện thoại/ Tel: **0939 67 37 67**

Email: **truongson@fime.vn**

Website: **www.fime.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1271

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT/ No	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Tôm và sản phẩm tôm <i>Shrimp and shrimp products</i>	Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí tại 30°C Kỹ thuật đổ đĩa <i>Enumeration of total aerobic microorganisms at 30°C Plate count method</i>		ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022
2.		Định lượng Coliforms <i>Enumeration of Coliforms</i>		ISO 4832:2006
3.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β-Glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl beta-D-glucuronid) <i>Enumeration of beta glucuronidase-positive Escherichia coli Colony-count technique at 44°C using 5-bromo-4-chloro-3-indolyl beta-D glucuronide</i>		ISO 16649-2:2001
4.		Định lượng Staphylococci dương tính với Coagulase Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker <i>Enumeration of Coagulase- positive Staphylococci Technique using Baird-Parker agar medium</i>		ISO 6888-1:2021
5.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD50: 1 CFU/25g	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020
6.		Định lượng Enterobacteriaceae <i>Enumeration of Enterobacteriaceae</i>		ISO 21528-2:2017
7.		Phát hiện <i>Listeria</i> spp. <i>Detection of Listeria spp.</i>	eLOD50: 1 CFU/25g	ISO 11290-1:2017
8.		Phát hiện <i>Vibrio cholerae</i> (non O1 và O139) <i>Detection of Vibrio cholerae (non O1 and O139)</i>	eLOD50: 1 CFU/25g	ISO 21872-1:2017/ Amd 1:2023
9.		Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i> <i>Detection of Vibrio parahaemolyticus</i>	eLOD50: 1 CFU/25g	ISO 21872-1:2017/ Amd 1:2023
10.		Phát hiện <i>Vibrio vulnificus</i> <i>Detection of Vibrio vulnificus</i>	eLOD50: 1 CFU/25g	ISO 21872-1:2017/ Amd 1:2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1271

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT/ No	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Tôm và sản phẩm tôm <i>Shrimp and shrimp products</i>	Xác định hàm lượng Chloramphenicol (CAP) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of Chloramphenicol (CAP) content</i> <i>Screening test by ELISA technique</i>	0.15 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.010 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2114
2.		Xác định hàm lượng Furazolidone (AOZ) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of Furazolidone (AOZ) content</i> <i>Screening test by ELISA technique</i>	0.3 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.013 (2015) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2118
3.		Xác định hàm lượng Furaltadone (AMAZ) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of Furaltadone (AMAZ) content</i> <i>Screening test by ELISA technique</i>	0.3 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.014 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2121
4.		Xác định hàm lượng Nitrofurantion (AHD) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of Nitrofurantion (AHD) content</i> <i>Screening test by ELISA technique</i>	0.15 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.015 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2120
5.		Xác định hàm lượng Nitrofurazone (SEM) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of Nitrofurazone (SEM) content</i> <i>Screening test by ELISA technique</i>	0.55 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.016 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2123
6.		Xác định hàm lượng Oxytetracyclin Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of Oxytetracyclin content</i> <i>Screening test by ELISA technique</i>	12 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.011 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2127
7.		Xác định hàm lượng Sulfamethoxazole Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of Sulfamethoxazole content</i> <i>Screening test by ELISA technique</i>	6.0 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.012 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2129

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1271**

TT/ No	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
8.	Tôm và sản phẩm tôm Shrimp and shrimp products	Xác định hàm lượng tổng Enrofloxacin Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of total Enrofloxacin content Screening test by ELISA technique</i>	3.0 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.009 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2112
9.		Xác định hàm lượng tổng Malachite Green Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of total Malachite Green content Screening test by ELISA technique</i>	3.0 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.018 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2113
10.		Xác định hàm lượng Ivermectin (Iver) Kiểm sàng lọc bằng kỹ thuật ELISA <i>Determination of total Avermectin (Aver) content Screening test by ELISA technique</i>	3.0 µg/kg (ppb)	SOP.LAB.017 (2025) Elisa Test Kit. Hãng BioStone Scientific LLC, USA Cat No: 2146

Chú thích/Note:

- SOP.LAB: Phương pháp do PTN xây dựng: *Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Sao Ta cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Sao Ta phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Sao Ta foods joint stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

